

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/10/2018
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Trần Thị Nga.

+ Bà Trần Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, anh Nguyễn Văn D là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 24 tháng 9 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận tại nhà anh ở xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam đến đầu năm 2012 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi, chửi nhau. Đến tháng 3 năm 2012, chị H đã bỏ nhà đi cho đến nay đã hơn 06 năm không về chung sống cùng bố con

anh. Từ khi chị H bỏ đi, anh đã dùng nhiều biện pháp để tìm kiếm chị H nhưng vẫn không có tin tức gì của chị Hòa nên anh đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng tuyên bố một người mất tích đối với chị Lê Thị H theo quy định của pháp luật. Ngày 08 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã mở phiên họp và ra Quyết định số 04/2017/QĐDS-ST chấp nhận yêu cầu của anh, tuyên bố chị Lê Thị H mất tích. Kể từ ngày Tòa án ra Quyết định tuyên bố chị Lê Thị H mất tích đến nay chị H vẫn không trở về chung sống cùng với anh và cũng không có mặt ở địa phương. Chị H đi đâu và làm gì anh không biết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con:

- Con chung: Anh và chị H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010. Từ khi chị H bỏ đi, cháu M ở với anh. Nguyên vọng của anh khi ly hôn xin được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

- Con riêng: Anh có một người con riêng là cháu Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1998. Hiện tại cháu Ph đã trưởng thành, lao động tự lập được. Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Chị Lê Thị H là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ nhiều lần và được niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở TAND huyện Kim Bảng, trụ sở UBND xã T và tại nơi cư trú cuối cùng của chị H nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. 1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị H. 2. Giao cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của anh D. 3. Án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh D

đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001400 ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng, dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Lê Thị H là bị đơn; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Lê Thị H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở TAND huyện Kim Bảng, trụ sở UBND xã T và tại nơi cư trú cuối cùng của chị H nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị H kết hôn với nhau từ ngày 24 tháng 9 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị sinh sống tại xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Tháng 3 năm 2012, chị H đã bỏ nhà đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam và cũng kể từ đó cho đến nay đã hơn 06 năm chị H không về chung sống cùng anh D. Anh D đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tuyên bố một người mất tích đối với chị Lê Thị H theo quy định của pháp luật và được Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng chấp nhận theo Quyết định số 04/2017/QĐDS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2017 tuyên bố chị Lê Thị H mất tích. Kể từ ngày Tòa án ra Quyết định tuyên bố một người mất tích đối với chị Lê Thị H cho đến nay, chị H vẫn không trở về chung sống cùng với anh D và cũng không có mặt ở địa phương. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh D, chị H không đạt được, do đó yêu cầu của anh D xin ly hôn chị H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về con chung: Anh D và chị H có một con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010. Nguyên vọng của anh D là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Xét yêu cầu của anh D là hoàn toàn chính đáng vì chị H đã bỏ đi từ năm

2012 đến nay, cháu M được anh D chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu M cũng có nguyện vọng ở với anh D, vì vậy cần giao cháu M cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, lao động tự lập được là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con riêng: Anh D có một người con riêng là cháu Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1998. Hiện tại cháu Ph đã trưởng thành, lao động tự lập được. Anh D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của anh D.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001400 ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Anh D đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỰ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt